TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Vương
Ông Thượng Quang Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị D4, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ 05, ấp A1, xã U1, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T9, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ 04, ấp A1, xã U1, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vi Thị D4 trình bày:*

Bà Vi Thị D4 và ông Nguyễn Thanh T9 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2008 và đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào ngày 21/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N5, huyện B', tỉnh Bình Phước (nay là Uỷ ban nhân dân xã U1, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn bà D4 và ông T9 cùng nhau sinh sống tại ấp A1, xã N5, huyện U2, tỉnh Bình Phước (nay là ấp A1, xã U1, tỉnh Đồng Nai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống quá tẻ nhạt và mệt mỏi, vợ chồng không còn yêu thương nhau, nay mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nay không thể hàn gắn

được, nên bà Vi Thị D4 yêu cầu ly hôn với chồng là ông Nguyễn Thanh T9.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Vi Thị D4 và ông Nguyễn Thanh T9 có 02 người con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017. Sau khi ly hôn bà D4 có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 cho ông T9 trực tiếp nuôi dưỡng cấp dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh T9 trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh T9 và bà Vi Thị D4 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào ngày 21/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N5, huyện B', tỉnh Bình Phước (nay là Uỷ ban nhân dân xã U1, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn thì ông T9 và bà D4 cùng nhau sinh sống tại ấp A1, xã N5, huyện U2, tỉnh Bình Phước (nay là ấp A1, xã U1, tỉnh Đồng Nai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, tuy nhiên ông T9 nhận thấy giữa ông T9 và bà D4 không có mâu thuẫn trầm trọng đến mức để phải ly hôn, ông T9 mong muốn bà D4 cho cơ hội để gia đình được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay bà Vi Thị D4 yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, ông T9 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và thương con, xét thấy vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì quá trầm trọng để phải ly hôn nên ông Nguyễn Thanh T9 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Thanh T9 và bà Vi Thị D4 có 02 người con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông T9 đồng ý giao con chung tên Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017 cho bà Vi Thị D4 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và ông T9 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và D4 biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T9 đăng ký thường trú tại tổ 04, ấp A1, xã U1, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị D4 và ông Nguyễn Thanh T9 tự nguyện chung sống 2008 và đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào ngày 21/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N5, huyện B', tỉnh Bình Phước (nay là Uỷ ban nhân dân xã U1, tỉnh Đồng Nai), theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà Vi Thị D4 và ông Nguyễn Thanh T9 là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, bà Vi Thị D4 và ông Nguyễn Thanh T9 kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan T9, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay bà Vi Thị D4 không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T9 để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 07/11/2025, ông Nguyễn Thanh T9 không đồng ý ly hôn với bà Vi Thị D4, mong muốn bà D4 cho cơ hội để gia đình được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại buổi hoà giải bà Vi Thị D4 không đồng ý giải quyết đoàn tụ gia đình và kiên quyết đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vi Thị D4, cho bà Vi Thị D4 ly hôn với ông Nguyễn Thanh T9.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn bà Vi Thị D4 có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 cho ông Nguyễn Thanh T9 trực tiếp nuôi dưỡng cấp dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2025, cháu Nguyễn Vi Thanh TN có nguyện vọng được ở với ba sau khi ba, mẹ ly hôn và cháu Nguyễn Vi Thủy T'' có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ba, mẹ ly hôn. Xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con và nguyện vọng của bà D4, ông T9 về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Vi Thị D4, giao con chung tên Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017 cho bà Vi Thị D4 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 cho ông Nguyễn Thanh T9 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Vi Thị D4 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Vi Thị D4. Bà Vi Thị D4 được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T9.

- Về con chung: Giao giao con chung tên Nguyễn Vi Thủy T'', sinh ngày 17/01/2017 cho bà Vi Thị D4 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và giao con chung tên Nguyễn Vi Thanh TN, sinh ngày 21/02/2009 cho ông Nguyễn Thanh T9 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Vi Thị D4 chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004529 ngày 21/10/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Mai Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Vương **Thượng Quang Minh** **Trần Ngọc Mai Phương**